

Bản án số: 41/2022/DSPT
Ngày 15/03/2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Đặng Văn Lộc

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo –Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:33/2022/TLPT-DS, ngày 09/02/2022 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản ”*.”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Kim L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 06, ấp Mỹ Thạnh B, xã Mỹ Th, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1965 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 05, ấp Mỹ Thạnh B, xã Mỹ Th, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Thạnh B, xã Mỹ Th, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 21/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Kim L trình bày: Vào năm 2018 vợ chồng ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị N có làm giấy cổ đất cho bà với số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Bà không có nhận đất mà cho vợ chồng bà N thuê lại đất. Tòa án nhân dân huyện Bình T ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2021/QĐST-DS ngày 07/6/2021 với nội dung là ông D, bà N và bà L đồng ý vô hiệu hợp đồng cổ đất ngày 19/7al/2018 giữa bà Phạm Kim L và bà Nguyễn Thị N. Bà N và ông D liên đới hoàn trả bà Liên 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng. Sau đó, bà làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình T, vợ chồng bà N xin trả dần.

Ngày 15/6/2021, ông D và N làm giấy cổ đất cho bà Liên 5 công đất tầm 2m8 tại ấp Mỹ T, với số vàng 20 chỉ vàng 24 K và số tiền 100.000.000 đồng hứa đến ngày 15/7/2021 trả 100.000.000 đồng, đến vụ lúa mùa 3 trả 5 chỉ vàng 24K và đến vụ lúa tháng giêng 2022 trả 15 chỉ vàng 24K. Vì vậy bà L có đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình T ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định vào ngày 25/6/2021.

Đến tháng 7/2021, vợ chồng bà N đã trả cho bà Liên 20.000.000 đồng, bà L không nhận phần đất cầm cố, từ năm 2018 đến nay bà L không có nhận 98.000.000 đồng do bà N, ông D trả. Trước đây bà L có chơi hụi với bà N đã giải quyết xong. Số vàng 20 chỉ vàng 24K do bà N và con bà N là chị N đến nhà bà nhận. Những giấy vay tiền của vợ chồng bà N với bà trước đây là đã giải quyết xong, không liên quan đến việc cổ đất năm 2018. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D phải có trách nhiệm trả cho bà 20 chỉ vàng 24K và 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà N là chị Lê Thị Ánh Ng trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2018, vợ chồng bà N có vay tiền và nợ tiền hụi của bà L (hụi do bà N làm đầu thảo), trong thời gian này vợ chồng bà đóng lãi và trả vốn nhưng không đủ. Vì vậy, vào ngày 19/7al/2018, bà với bà L có làm giấy cổ đất là bà còn nợ bà L 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng (bà L giữ), phần đất cổ là 3 công đất ruộng ở ấp Mỹ T, xã Mỹ Th, huyện Bình T nhưng bà L không nhận đất, bà đã trả tiền cho bà L 78.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận mà kêu bà L về ghi vào tờ giấy cổ đất. Đến tháng 05/2021, bà L làm đơn khởi kiện vợ chồng bà. Tòa án đã quyết định buộc vợ chồng bà trả cho bà L 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng. Tại cơ quan thi hành án hai bên thương lượng với nhau nên vợ chồng bà mới ký tờ cổ đất ngày 15/6/2021 nội dung cổ 5 công đất cho bà L, số vàng là 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng, trả ngày 15/7/2021 là 100.000.000 đồng, vụ lúa mùa 3 trả 5 chỉ vàng 24K, vụ lúa tháng giêng 2022 trả 15 chỉ vàng 24K, bà L không nhận đất. Đầu năm 2018, bà

có trả cho bà L 20.000.000đ để trừ vào khoản nợ 100.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k nhưng không làm giấy tờ. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L vì từ năm 2018 bà đã trả cho bà L tổng cộng 98.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà đồng ý trả cho bà L 20 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng.

- Ông Lê Văn D trình bày: Ông là chồng bà N, ông thống nhất với lời trình bày của bà N, giấy cổ đất năm 2018 và năm 2021 là do vợ chồng ông ký tên. Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho bà L 20 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thanh S trình bày: Ông là chồng bà Phạm Kim L, trước đây vợ chồng bà N cổ đất cho bà L với giá 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng, sau đó đã trả cho bà L 20.000.000 đồng. Số tiền và vàng này là của vợ chồng ông nhưng ông không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 116, 122, 123, 124, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, 124, 131, 166, 280, 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/06/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim L:

- Vô hiệu tờ cổ đất ngày 15/6/2021 giữa ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị N với bà Phạm Kim L.

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Kim L số tiền 80.000.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án .

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2021 bị đơn bà N và ông D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết là bà N và ông D chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Ông D và N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K.

- Nguyên đơn L không đồng ý kháng cáo của bà N và ông D, bà L tự nguyện giảm bớt cho bà N và ông D 3.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 77.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K.

**Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :*

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông D, bà N là không có căn cứ để chấp nhận, tại phiên tòa bà L đồng ý bớt cho bị đơn 3.000.000 đồng chỉ yêu cầu bị đơn trả 77.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K, đây là sự tự nguyện của bà L nên được ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông D, bà N; Sửa một phần bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L. Buộc bà D, ông N trả cho bà L 77.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Ông D, bà N phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà N, ông D còn trong hạn luật định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2021/QĐST-DS, ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T, giữa bà Phạm Kim L với ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị N đã thỏa thuận bà L, ông D, bà N đồng ý vô hiệu hợp đồng cổ đất ngày 19/7(al)/2018; bà N, ông D liên đới hoàn trả bà L 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000 đồng. Ngày 10/6/2021, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình T ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu của bà L. Ngày 23/6/2021, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình T lập biên bản bà L xin rút lại đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 25/6/2021, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình T ra Quyết định đình chỉ thi hành án. Bà L không có quyền yêu cầu thi hành án đối với Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2021/QĐST-DS, ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T. Do vậy bà L có đơn khởi kiện bà N, ông D đòi lại 20 chỉ vàng 24K và 100.000.000đ theo nội dung tờ cổ đất ngày 15/6/2021 có nội dung: ông D và bà N cổ 05 công đất cho bà L, cam kết ngày 15/7 trả 100.000.000đ, đến vụ lúa mùa 3 trả 5 chỉ vàng 24K, đến vụ lúa tháng giêng 2022 trả 15 chỉ vàng 24K là xong.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, bà N và ông D thừa nhận đã chuyển hóa số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K theo nội dung quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2021/QĐST-DS, ngày

07/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T thành tờ cổ đất ngày 15/6/2021 nên bà L mới rút lại đơn yêu cầu ông D, bà N trả nợ. Bà N, ông D cho rằng từ năm 2011 đến năm 2018 có vay tiền và nợ tiền hụi của bà L, vợ chồng bà đóng lãi và trả vốn nhưng không đủ nên vào năm 2018 có làm giấy cổ đất ngày 19/7/2018 âl, từ năm 2018 đã trả cho bà L được 98.000.000 đồng, nay chỉ đồng ý trả cho bà L 20 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng. Bà N có cung cấp các giấy hụi và sổ hụi năm 2017, có hụi viên là thím S (bà L). Bà L cho rằng các giao dịch vay tiền và chơi hụi trước đây đã giải quyết xong, không liên quan đến số tiền, vàng này. Bà N, ông D cho rằng từ năm 2018 đã trả cho bà L số tiền 78.000.000 đồng, nhưng khi làm giấy cổ đất ngày 15/6/2021, ông bà vẫn ký giấy nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K mà không trừ đi số tiền đã trả nên vẫn còn nợ số tiền, vàng. Bà N trình bày tờ cổ đất ngày 19/7/2018 (al) có ghi các lần bà trả tiền cho bà L, nhưng đối chiếu với tờ cổ đất này thì không thể hiện việc trả tiền nên không có căn cứ chấp nhận. Việc ông D và bà N làm tờ cổ đất ngày 15/6/2021 cho bà L là giả tạo nhằm che giấu giao dịch nợ tiền, vàng nên tờ cổ đất ngày 15/6/2021 giữa ông D, bà N với bà L là giả tạo nên bị vô hiệu.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông D, bà N đã thừa nhận còn nợ bà L số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K, nhưng ông D, bà N cho rằng đã trả cho bà L nhiều lần với số tiền 98.000.000 đồng, nay chỉ còn nợ bà L số tiền 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K, việc trả tiền ông D, bà N không có viết biên nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh, bà L không thừa nhận ông D, bà N trả bà L số tiền 98.000.000 đồng. Do đó kháng cáo của ông D, bà N chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Bà L đồng ý giảm cho ông D, bà N 3.000.000 đồng chỉ yêu cầu ông D, bà N trả 77.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà L nên được ghi nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, bà N, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận, buộc bà N và ông D có nghĩa vụ trả cho bà L 77.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm được xác định lại. Buộc bà N và ông D phải nộp án phí sơ thẩm là: $5.170.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ chỉ vàng } 24K + 77.000.000 \text{đ} = 9.020.000 \text{ đồng}$.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nốp và ông Lê Văn Dân.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 124, 131, 166, 280, 288 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/06/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim L.

- Vô hiệu tờ có đất ngày 15/6/2021 giữa ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị N với bà Phạm Kim L.

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Kim L số tiền 77.000.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng) và 20 (hai mươi) chỉ vàng 24K.

2. Về án phí :

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D phải nộp án phí sơ thẩm là 9.020.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D không phải nộp án phí án phí phúc thẩm; Hoàn trả bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013373 ngày 29/12/2021 và biên lai thu số 0013437 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

- Bà Phạm Kim L không phải nộp án phí sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Phạm Kim L số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013263 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Bình T, tỉnh Vĩnh L.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung